

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính Quý III năm 2023

Thực hiện Công văn hướng dẫn của Ủy ban nhân dân huyện Tứ Kỳ về việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Ủy ban nhân dân xã Ngọc Kỳ báo cáo kết quả triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý III đầu năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

UBND xã Thực hiện được 9 lượt tin, bài tuyên truyền qua hệ thống Đài truyền thanh xã; tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử xã 12 tin bài; nhiều lượt tuyên truyền, quán triệt trong thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể. Tuyên truyền trực tiếp khi tiếp nhận, giải quyết các TTHC, niêm yết công khai các TTHC; quy trình giải quyết.

Qua thực hiện công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức (*những người trực tiếp thực hiện, tham mưu thực hiện công tác CCHC tại địa phương*); giúp tổ chức, công dân nắm bắt được mục đích, yêu cầu, nội dung trong công tác CCHC, từ đó tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện.

UBND xã đã xây dựng các báo cáo: Báo cáo số 79/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc báo cáo kết quả tuyên truyền cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng; Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 về sơ kết công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2023, nhiệm vụ công tác CCHC 6 tháng cuối năm 2023; Báo cáo chỉ số CCHC 6 tháng đầu năm 2023;

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

UBND xã đã ban hành các văn bản để chủ động thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ những tháng đầu năm 2023.

UBND xã đã xây dựng báo cáo số 83/BC-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý VPHC; Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 29/6/2023 về sơ kết 05 năm thi hành Luật

trách nhiệm bồi thường nhà nước; Báo cáo số 96/BC-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 về báo cáo tổng kết 10 năm thi hành luật hòa giải ở cơ sở.

2.Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kiểm soát thủ tục hành chính

Chỉ đạo công chức chuyên môn trong quá trình tham mưu và trực tiếp giải quyết các TTHC chủ động thực hiện việc rà soát, cập nhật, thống kê các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã để kịp thời niêm yết công khai; phát hiện, kiến nghị cấp trên sửa đổi, bãi bỏ, thay thế các quy định TTHC không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở cho việc thực hiện của tổ chức, công dân.

Theo kế hoạch kiểm soát TTHC và tự kiểm tra công tác CCHC, công chức chuyên môn thường xuyên thực hiện việc rà soát, cập nhật, niêm yết bổ sung hoặc thay thế các thủ tục, thành phần TTHC khi có thay đổi. Trong quý III năm 2023, qua rà soát, đối chiếu với quá trình tiếp nhận, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trên thực tế không đề nghị sửa đổi các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính và kiến nghị nội dung nào.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính đúng thời gian quy định; tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính và quy định hành chính liên quan.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 về việc công khai danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực quản lý công thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

b) Việc công khai thủ tục hành chính tại UBND xã: UBND xã đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Bộ phận một cửa; hình thức niêm yết bằng "Bảng gắn trên tường"; vị trí, hình thức, cách thức niêm yết thuận lợi cho việc tìm hiểu, trao đổi, ghi chép, tra cứu thông tin về TTHC, và niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử xã Ngọc Kỳ tại địa chỉ <http://ngocky.tuky.haiduong.gov.vn>.

- Tổng số TTHC được niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa 165, trong đó có 17 TTHC liên thông; 26 TTHC theo ngành dọc (14 quân sự, 12 công an); TTHC được niêm yết trên Trang thông tin điện tử xã Ngọc Kỳ 165.

c)Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, minh bạch, thuận tiện cho việc theo dõi, tra cứu và giám sát của công dân. UBND xã đã thực hiện việc công khai các quy định, quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

UBND xã đã ban hành quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 về việc kiện toàn nhân sự làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã;

UBND xã xây dựng báo cáo số 95/BC-UBND ngày 30/6/2023 về kết quả đánh giá việc giải quyết TTHC của bộ phận một cửa 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 82/BC-UBND ngày 23/6/2023 về báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CBCC tại bộ phận một cửa 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 105/BC-UBND ngày 31/7/2023 về kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; số hóa hồ sơ và chứng thực điện tử trong giải quyết TTHC từ 01/7 - 31/7/2023; Báo cáo số 114/BC-UBND ngày 31/8/2023 về kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; số hóa hồ sơ và chứng thực điện tử trong giải quyết TTHC từ 01/7 - 31/7/2023; Báo cáo số 95/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 về kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến tháng 6 năm 2023.

Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính, cụ thể như sau: Số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết: 371 hồ sơ (*tiếp nhận mới trong kỳ 367 hồ sơ, 04 hồ sơ từ kỳ trước*), trong đó trả trước hạn và đúng hạn 369 hồ sơ, 02 hồ sơ đang giải quyết, không có hồ sơ trả quá hạn; Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông 371 hồ sơ, đạt 100% tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết.

Số hồ sơ mức độ 3,4 là: 371 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100% .

+ UBND bố trí 5 công chức làm việc tại Bộ phận một cửa (Văn phòng-Thống kê; Tư pháp-Hộ tịch; Địa chính-Xây dựng; Văn hóa -Xã hội, Công an).

Trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, UBND xã không để xảy ra tình trạng quá hạn, sai sót, vi phạm trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa; đồng thời cũng không nhận được trường hợp khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

Các thủ tục hành chính đã giải quyết được lưu trữ vào hệ thống sổ sách theo quy định, riêng lĩnh vực hộ tịch được giải quyết và lưu trữ đồng thời trên sổ sách và trên phần mềm. Công chức tư pháp làm việc tại bộ phận một cửa thường xuyên chịu trách nhiệm cập nhật hồ sơ vào phần mềm một cửa liên thông đảm bảo đúng quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

3.Cải cách tổ chức bộ máy

Hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ.

Tổng số biên chế được giao trong quý là 18. Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu dân cư 15 người.

4. Cải cách chế độ công vụ

Cán bộ, công chức UBND xã cơ bản đáp ứng về trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị theo yêu cầu vị trí việc làm và trong quá trình thực thi công vụ. Hiện tại, xã có 18 cán bộ, công chức (*trong đó: có 10 cán bộ, 08 công chức*. Về trình độ chuyên môn: 01 thạc sĩ, 13 đại học, 01 cao đẳng, 03 trung cấp. Về trình độ lý luận chính trị: 17 trung cấp, 01 sơ cấp.

-UBND xã luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Cán bộ, công chức UBND xã cơ bản chấp hành nghiêm nội quy, quy chế làm việc, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, không lạm dụng và không đùn đẩy công việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm cho người khác. Cấp dưới phải thực hiện nghiêm sự chỉ đạo, điều hành, yêu cầu của cấp trên. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung chỉ đạo theo yêu cầu của cấp trên đảm bảo tiến độ, chính xác, chất lượng. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc công chức thực hiện nhiệm vụ, các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo UBND xã giao. Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đúng giờ giấc làm việc, trang phục công sở, văn hóa ứng xử nơi công sở, đeo thẻ cán bộ, công chức; ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân tận tình, chu đáo. Thường xuyên đôn đốc thực hiện quy chế làm việc của UBND xã; nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời đối với cán bộ, công chức, người lao động không chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ. Trong Quý III, năm 2023 xã không có cán bộ, công chức vi phạm phải xử lý kỷ luật.

5. Cải cách tài chính công

UBND xã xây dựng báo cáo số 69/BC-UBND ngày 19/9/2023 về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023; Báo cáo số 91/BC-UBND ngày 30/6/2023 về tình hình thực hiện đầu tư công 6 tháng đầu năm 2023. Việc quản lý, sử dụng các tài sản được thực hiện công khai, minh bạch, theo dõi, hạch toán đầy đủ về mặt hiện vật và giá trị theo quy định của Nhà nước.

Kết quả thực hiện thu ngân sách xã tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2023: 4,023 tỷ đồng, đạt 36,4% kế hoạch.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, UBND xã làm tốt công tác tuyên truyền lồng ghép thông qua các hội nghị của các ngành, đoàn thể để tuyên truyền tới đoàn viên, hội viên, nhân dân; tuy nhiên do trình độ dân trí không đồng đều nên việc tiếp cận các dịch vụ từ môi trường điện tử còn chậm, chưa mang lại kết quả cao.

- Việc ban hành Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết UBND xã mang lại hiệu quả cao như công tác số hóa hộ tịch.

- Thực hiện tích hợp dịch vụ công của UBND cấp tỉnh trên Cổng Dịch vụ công quốc gia mang lại hiệu quả cao, tuy nhiên nhiều lĩnh vực TTHC chưa có phát sinh hồ sơ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư 01/2018/TT-VPCP về việc thực hiện Nghị định 61/2018 của Chính phủ; Kế hoạch kiểm soát TTHC Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã Ngọc Kỳ năm 2023.

- Xây dựng Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 06/7/2023, kế hoạch chuyển đổi số xã Ngọc Kỳ năm 2023. Chỉ đạo, quản lý điều hành trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc nên đã tiết kiệm được giấy, mực. Từ đó tiết kiệm được nguồn ngân sách cho địa phương, 100% văn bản ban hành được ký số; các văn bản chuyển cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, người lao động đều gửi qua mail công vụ và hồ sơ công việc.

UBND xã xây dựng báo cáo số 79/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc báo cáo kết quả tuyên truyền cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc báo cáo kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã đi vào hoạt động ổn định, đã sử dụng có hiệu quả các phần mềm để thực hiện công tác chuyên môn như: Xử lý văn bản đi, đến; quản lý hộ tịch, quản lý trẻ em, bảo hiểm y tế, phần mềm kế toán, sử dụng bản đồ số về quản lý đất đai, phần mềm quản lý cán bộ, công chức. Tiếp tục duy trì, triển khai thực hiện việc áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các bộ phận chuyên môn.

III.ĐÁNH GIÁCHUNG

1. Mặt tích cực

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã tập trung xây dựng kế hoạch, quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính, bước đầu có chuyển biến tích cực hiệu quả, mức độ hoàn thành TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử mang lại hiệu quả và đạt một số kết quả nêu trên.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4.

2.Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đạt hiệu quả chưa cao; kinh phí phục vụ còn hạn chế.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể trong công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật có lúc chưa thường xuyên; hình thức phổ biến chưa đa dạng, phong phú để thu hút nhiều đối tượng tham gia.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM (Không)

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM.

1.Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện về cải cách hành chính nhà nước; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính của UBND xã năm 2023; thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa

văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và rà soát thủ tục hành chính.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại cơ quan. Chú trọng triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4. Tập trung cải cách tổ chức bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cán bộ, công chức.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan.

5. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với cơ quan.

6. Tiếp tục quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

7. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; phấn đấu đạt kế hoạch đề ra và yêu cầu cán bộ công chức thực hiện phần mềm một cửa đầy toàn bộ đủ thông tin cũng như các thủ tục hành chính lên phần mềm nhất là phần TTHC thể chấp hợp đồng và TTHC chứng thực chữ ký theo quy định.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (Không)

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính Quý III năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm năm 2023. UBND xã Ngọc Kỳ trân trọng báo cáo./

Nơi nhận:

- UBND huyện Tứ Kỳ;
- Phòng Nội vụ huyện;
- Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã;
- Công chức UBND xã;
- Lưu: Vp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Thoảng

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU
BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH XÃ NGỌC KỲ
(Kèm theo Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của UBND xã)
Biểu mẫu 1
Chỉ đạo, điều hành

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng tháng; 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	1	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
3	Kiểm tra CCHC		0	
3.1	Số tổ chức đã kiểm tra	Tổ chức	0	
3.2	Số cá nhân đã kiểm tra	Cá nhân	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, CT UBND huyện giao		13	
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	13	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	13	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hòa thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	0	
5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	371	
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6	Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0; Có = 1	0	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng tháng; 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành		0	
1.1	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.2	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL		0	
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng tháng; 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	165	
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	26	
1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	139	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	17	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3	Kết quả giải quyết TTHC	Thủ tục		
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	369	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	369	
3.4	Tỷ lệ giải quyết PAKN về TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng tháng; 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1	Sắp xếp, kiên toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ các tổ chức đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ			
1.2	Số tổ chức liên ngành do cấp xã thành lập	Tổ chức		
2	Số liệu biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	18	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	18	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại UBND xã	Người	0	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015		20	
3	Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu dân cư.		15	
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	15	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	15	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	20	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng tháng; 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1	Vị trí, việc làm của công chức			
1.1	Số cán bộ, công chức đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Người	18	
1.2	Số cán bộ, công chức đã được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	Người	18	
1.3	Số cán bộ, công chức không được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	Người	0	
2	Tuyển dụng công chức		0	
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
3	Số lượng cán bộ, công chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		0	
3.1	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
3.2	Số công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng tháng; 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	Đồng	0	
1.1	Kế hoạch được giao	Đồng	0	
1.2	Đã thực hiện	Đồng	0	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của cơ quan, đơn vị tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
2.2	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1	Số đơn vị tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số đơn vị tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số đơn vị tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5	Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.6	Số lượng đơn vị đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng tháng; 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông từ UBND tỉnh đến 100 UBND huyện, xã	Chưa có = 0	100	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ tích hợp dùng chung (LGSP)	Đang làm =1 Hoàn thành = 2	2	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã.			
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn thành dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	109	
6.4.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	109	
6.4.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	109	
6.5	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	56	
6.5.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Hồ sơ	56	

